

QUY ĐỊNH

Quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Vị Tân,
thành phố Vị Thanh đến năm 2030 (được dự báo đến năm 2035)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Vị Thanh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy định về quản lý quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, quy định việc sử dụng đất đai, cải tạo, xây dựng, bảo tồn, tôn tạo và sử dụng các công trình trên địa bàn xã theo đúng quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

2. Hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vị Tân và các quy định tại văn bản này là căn cứ để phòng Quản lý đô thị và Ủy ban nhân dân xã Vị Tân giới thiệu địa điểm, cấp phép xây dựng và thỏa thuận các giải pháp kiến trúc, quy hoạch cho các công trình và dự án xây dựng trên địa bàn xã đúng theo quy hoạch và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Phạm vi, diện tích quản lý quy hoạch

1. Phạm vi quy hoạch: Khu đất lập quy hoạch toàn bộ diện tích 2.294,58ha đất tự nhiên theo địa giới hành chính xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Đông giáp phường IV, thành phố Vị Thanh xã Vị Đông huyện Vị Thủy.
- Tây giáp huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
- Nam giáp phường III và phường VII, thành phố Vị Thanh.
- Bắc giáp huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

2. Diện tích các khu chức năng trong vùng quy hoạch:

Tổ chức không gian kiến trúc trên cơ sở hiện trạng, cải tạo, mở rộng, chỉnh trang, bộ mặt kiến trúc các trung tâm ấp. Phát triển, mở rộng các điểm dân cư tập trung, thuận lợi hạ tầng kỹ thuật, hạn chế phát triển các điểm dân cư nhỏ lẻ, phân tán, tạo động lực phát triển kinh tế.

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT

STT	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất nông nghiệp	1.673,56	72,94

STT	Loại đất	DIỆN TÍCH (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất sản xuất nông nghiệp	1.658,04	
-	Đất trồng cây hàng năm	1.167,42	
	<i>Đất trồng lúa</i>	<i>703,15</i>	
	<i>Đất trồng cây hàng năm khác</i>	<i>464,27</i>	
-	Đất trồng cây lâu năm	490,62	
2	Đất nuôi trồng thủy sản	8,17	
3	Đất nông nghiệp khác	7,35	
II	Đất xây dựng	550,39	23,99
1	Đất ở	147,46	
2	Đất công cộng	52,45	
3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	3,01	
4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền.	1,20	
5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	11,00	
6	Đất xây dựng các chức năng khác	9,32	
7	Đất hạ tầng kỹ thuật		
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>89,29</i>	
-	<i>Đất xử lý chất thải rắn</i>	<i>0,80</i>	
-	<i>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</i>	<i>1,24</i>	
-	<i>Đất hạ tầng kỹ thuật khác</i>	<i>133,34</i>	
-	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	101,18	
8	Đất Quốc phòng, an ninh	0,10	
III	Đất khác	70,63	3,08
1	Đất sông ngòi kênh rạch và mặt nước chuyên dùng	70,63	
	Tổng cộng	2.294,58	100

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ KIỂM SOÁT KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC CẢNH QUAN VÀ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG

Điều 3. Khu vực sản xuất nông nghiệp

1. Trong giai đoạn từ nay cho đến năm 2035, toàn xã tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp toàn diện, trọng tâm là 3 vùng trồng lúa chủ lực với diện tích 180 ha với 256 hộ tham gia. Trong đó HTX Nông nghiệp dịch vụ Tân Tiến 55 ha

với 34 hộ, đang chờ chứng nhận VietGap. Trạm bơm Hai Thành 65ha với 62 hộ. Trạm bơm Tư Nghĩa 80ha, 160 hộ. Đất nông nghiệp bao gồm các loại chủ yếu sau đây:

a) Đối với đất trồng lúa: quy hoạch đất trồng lúa và lúa cao sản trên địa bàn các ấp 6, ấp 7. Định hướng phát triển Mô hình sản xuất lúa hữu cơ; mô hình ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa;

b) Đối với đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm: quy hoạch phân bổ trên các ấp 1, ấp 2, ấp 2A, ấp 3, ấp 3A, ấp 4, ấp 5.

2. Phát triển vườn cây ăn trái tận dụng triệt để mặt đất, mặt nước để trồng trọt, chăn nuôi tăng hiệu quả kinh tế gia đình. Chủ yếu là phía sau nhà ở trong vườn và các tuyến dân cư. Về lâu dài, cần lên bờ bao xây dựng hệ thống cống bộng kết hợp với hệ thống rạch tự nhiên với quy mô liên hộ đối với các dự án qui hoạch vườn cây ăn trái tập trung.

3. Đối với đất trồng cây lâu năm: Phát triển vườn rau, ao cá, vườn cây ăn trái tận dụng triệt để mặt đất, mặt nước để trồng trọt, chăn nuôi tăng hiệu quả kinh tế gia đình. Chủ yếu là phía sau nhà ở trong vườn và các tuyến dân cư.

Điều 4. Khu vực trang trại và khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn và mô hình phục vụ sản xuất.

1. Vị trí: Linh hoạt tùy thuộc nhu cầu đầu tư, phù hợp mục đích sử dụng đất, cụ thể được sự thống nhất của UBND thành phố.

2. Tính chất: Phục vụ sản xuất, phát triển nông nghiệp ở địa phương.

3. Các yêu cầu xây dựng:

a) Các trang trại được hình thành dưới hình thức trang trại gia đình hoặc trang trại hợp doanh. Diện tích không được lớn hơn 5ha.

b) Mật độ xây dựng tối đa 40%.

c) Tầng cao xây dựng tối đa 01 tầng.

d) Các điều kiện cung cấp hạ tầng kỹ thuật: Nước sạch được cung cấp từ hệ thống nước sạch Nhà máy nước thành phố Vị Thanh hoặc sử dụng các công trình cấp nước phân tán dạng hộ gia đình như: giếng khoan, giếng đào và bể thu nước. Nguồn điện được cấp từ lưới điện trung thế 22KV của thành phố Vị Thanh. Nước thải sinh hoạt phải được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của trung tâm xã hoặc thoát ra kênh tiêu để làm sạch tự nhiên và môi trường.

e) Quy định về bảo vệ môi trường:

- Các công trình phục vụ sản xuất như kho nông sản, kho giống lúa, kho phân hoá học và thuốc trừ sâu, kho nông cụ vật tư, trạm xay xát, xưởng sửa chữa cơ khí nông cụ... phải bố trí thuận tiện với đường giao thông nội đồng và đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh.

- Các kho phân hóa học, thuốc trừ sâu phải đảm bảo cách ly đến các công trình khác ít nhất là 100m về phía cuối hướng gió chủ đạo.

- Những cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp không gây độc hại có thể bố trí trong khu ở, tại các nhà phụ của từng hộ gia đình nhưng không được để nước thải và tiếng ồn gây ô nhiễm môi trường.

- Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi đến khu ở không được nhỏ hơn 200m.

Điều 5. Các điểm dân cư nông thôn

1. Giải pháp xây dựng và kiến trúc nhà ở.

a) Nhà ở khu vực Trung tâm xã, khu đô thị phường IV-Vị Tân, điểm dân cư tập trung giữ nguyên và quản lý theo đồ án quy hoạch được duyệt.

b) Nhà ở theo tuyến: Đối với khu dân cư dọc kênh & tuyến giao thông xã, có nền đất thấp. Trên tuyến dân cư ngoài định hướng quy hoạch đất ở, cho phép bố trí đan xen phát triển các mô hình thương mại, dịch vụ, kho chứa hàng hóa, du lịch sinh thái cộng đồng... Đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế và sự thống nhất của UBND thành phố.

c) Kết cấu, vật liệu: Kết cấu chịu lực: Thép hoặc bê tông; Kết cấu bao che: Bê tông nhẹ, gạch rỗng, vật liệu địa phương...; Kết cấu mái: Hệ khung thép, nhiều lớp, khẩu độ nhỏ; Vật liệu lợp: Tôn hoặc vật liệu địa phương.

d) Nhà ở liên kế (tuyến dân cư): Xây dựng nhà 1-3 tầng, có đầy đủ tiện nghi phục vụ sinh hoạt. Xây dựng vệ sinh tự hoại phù hợp với điều kiện sinh hoạt.

e) Nhà ở đối với hộ nông nghiệp: Xây dựng nhà 1-3 tầng, có đầy đủ tiện nghi phục vụ sinh hoạt. Xây dựng vệ sinh tự hoại phù hợp với điều kiện sinh hoạt. Mỗi lô đất có diện tích khuyến khích khoảng $300m^2 \div 400m^2$ (Đối với hộ thương mại dịch vụ $150m^2$ /hộ).

g) Nhà ở đối với hộ thuần nông: Xây dựng nhà 1-3 tầng, khuyến khích cải tạo lại nhà cho thông thoáng, sạch sẽ, cao ráo. Tổ chức lại mặt bằng phù hợp với sinh hoạt của gia đình. Xây dựng vệ sinh tự hoại phù hợp với điều kiện sinh hoạt. Có vườn bao quanh nhà. Mỗi lô đất có diện tích khoảng $1.000m^2 \div 1.500m^2$.

h) Khu vệ sinh được tách riêng khỏi khu vực ở. Sử dụng bể xí tự hoại hoặc bán tự hoại. Trường hợp không thể thiết kế bể xí tự hoại hoặc bán tự hoại thì sử dụng hố xí hai ngăn nhưng phải đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường.

i) Chuồng trại chăn nuôi gia súc- gia cầm trong lô đất ở (nếu có) phải đặt cách xa nhà ở và đường đi chung ít nhất 5m, cuối hướng gió và phải có hố chứa phân, rác, thoát nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

2. Các chỉ tiêu kiến trúc: Chỉ giới xây dựng, tầng cao, cốt xây dựng.

a) Mật độ xây dựng: Theo Quy chuẩn xây dựng.

b) Chỉ giới xây dựng:

- Đối với các tuyến đường cấp A, B, C chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ $\geq 10m$. (Riêng các tuyến đường dân sinh, đường phát sinh mới chỉ giới

xây dựng theo Công văn 745/UBND-XD ngày 2 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh).

- Đường 19 tháng 8 chỉ giới xây dựng: Cách cọc mốc lộ giới $\geq 10\text{m}$.

- Đường Chiến Thắng (từ đường Nguyễn Huệ đến đường 19 Tháng 8): Chỉ giới xây dựng cách tim đường hiện hữu vào 40m.

- Đường Lê Hồng Phong (từ cầu Lung Nia đến giáp ranh Khu Dân cư Thương mại Vị Tân): Chỉ giới xây dựng: Cách gờ bó vỉa hiện hữu $\geq 15\text{m}$.

- Chỉ giới xây dựng: Hàng rào khuyến khích xây dựng cách mép đường tối thiểu $\geq 1,5\text{m}$.

c) Ban công được vươn ra 1,2m so với chỉ giới xây dựng.

d) Tầng cao xây dựng:

- Đối với tuyến đường dọc theo tuyến đường từ cấp A, B, C chiều cao: Từ 01 ÷ 03 tầng.

- Đối với tuyến đường 19 tháng 8, đường Lê Hồng Phong: chiều cao: Từ 01 ÷ 04 tầng.

- Đối với tuyến đường thuộc phạm vi đồ án Quy hoạch phân khu quản lý theo quy hoạch phân khu đô thị được phê duyệt.

e) Chiều cao tầng: Tầng 1 là 4,2m; từ tầng 2 trở lên là 3,6m.

g) Cao độ nền xây dựng: + 2,15m so với cao độ Nhà nước.

Điều 6. Các công trình công cộng Văn hoá, giáo dục, y tế...

1. Nhà văn hóa - khu thể thao ấp.

a) Đối với ấp 1, ấp 4, ấp 6: Nâng cấp, cải tạo Nhà văn hóa – Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định hiện hành. Lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời phục vụ bà con nhân dân trong ấp.

b) Đối với ấp 2, ấp 2a, ấp 3, ấp 3a, ấp 5, ấp 7: Nâng cấp, mở rộng Nhà văn hóa – Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định hiện hành đầu tư lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời phục vụ bà con nhân dân trong ấp.

2. Các công trình giáo dục cấp xã.

a) Trường Mầm non Thực hành tại ấp 4, Trường Mầm non Hoa Hồng tại ấp 6 Trường tiểu học Bùi Thị Xuân tại ấp 6 cần đầu tư trang thiết bị nâng cấp đảm bảo tiêu chuẩn để học sinh học tập, vui chơi.

b) Trường tiểu học Trần Quang Diệu tại ấp 3, Trường tiểu học Hoàng Hoa Thám tại ấp 2, cần nâng cấp và mở rộng đảm bảo tiêu chuẩn để học sinh học tập vui chơi và tiêu chuẩn trường loại 1.

c) Trường THCS Hoàng Diệu (nay thuộc phường IV) được định hướng phục vụ học sinh trên địa bàn xã Vị Tân và phường IV do đó cần đầu tư trang thiết bị nâng cấp và mở rộng đảm bảo tiêu chuẩn để học sinh học tập, vui chơi.

3. Các công trình công cộng được bố trí theo tuyến dân cư đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội và vị trí linh hoạt tùy thuộc nhu cầu đầu tư, phù hợp mục đích sử dụng đất, cụ thể được sự thống nhất của UBND thành phố.

4. Các chỉ tiêu chỉ giới xây dựng, tầng cao, cốt xây dựng.

Trường hợp cải tạo chỉnh trang mà không tăng mật độ xây dựng và tầng cao thì giữ nguyên theo hiện trạng. Trường hợp tăng mật độ xây dựng hoặc tầng cao hoặc phá đi xây lại phải tuân thủ như sau:

a) Mật độ xây dựng tối đa 40%.

b) Hệ số sử dụng đất khoảng: 1,2 lần. (Khi thiết kế chi tiết tùy theo kiến trúc công trình, độ vượn ban công tính toán hệ số sử dụng đất cho phù hợp).

c) Tầng cao xây dựng từ 01 đến 03 tầng.

d) Chiều cao tầng 1: 3,9m÷4,2m, các tầng còn lại cao 3,6m. Cao độ nền tầng trệt hoàn thiện $\geq +2,5\text{m}$ (cao độ Nhà nước). Tùy theo kiến trúc công trình chiều cao và cao độ nền xây dựng công trình xem xét cho phù hợp với kiến trúc dự án đảm bảo chiều cao xây dựng tối đa của công trình $\leq 15\text{m}$ so với đỉnh gờ bó vỉa.

đ) Chỉ giới xây dựng: Lùi vào $\geq 10\text{m}$ sơ với chỉ giới đường đỏ.

e) Cao độ nền xây dựng: $\geq + 2,15\text{m}$ so với cao độ Nhà nước.

Điều 7. Quy định về khu vực cấm xây dựng; phạm vi bảo vệ, hàng lang an toàn công trình.

Quản lý theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2013 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc Ban hành Quy định về hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch; hàng lang bảo vệ luồng giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (theo Quy định hiện hành của UBND tỉnh). Trong hàng lang bảo vệ sông, kênh rạch không được thực hiện xây dựng trái phép nhà, lều quán hoặc các công trình khác trong phạm vi hàng lang bảo vệ sông, kênh, rạch. Để vật liệu, phương tiện, thiết bị, hàng hóa hoặc các chất thải khác gây sạt lở bờ.

Điều 8. Công trình nhà ở Trung tâm xã

1. Quy mô dân số và diện tích:

a) Diện tích 345.151m² (34,5ha).

b) Dân số dự kiến 5.700 người.

2. Các công trình xây dựng: Quản lý theo Quy định quản lý Khu dân cư - Thương mại xã Vị Tân theo Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2009 của UBND thị xã Vị Thanh.

Điều 9. Các công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Giao thông trong phạm vi toàn xã.

a) Giao thông bộ: Được tổ chức trên cơ sở mạng lưới đường đã có và hình thành một số tuyến đường mới. Phân cấp mạng lưới đường theo các loại đường: Đường đối ngoại (Đường Huyện, đường Tỉnh, Quốc lộ), đường trong xã (Bao gồm đường trục xã, đường liên ấp, đường ấp và đường chính nội đồng).

b) Đối với khu dân cư hiện hữu, giữ nguyên cao độ nền xây dựng hiện trạng. Khi tiến hành cải tạo, xây dựng mới chỉ san lấp đạt cao độ $\geq +1.60$ theo hệ cao độ Hòn Dấu và không làm ảnh hưởng đến việc thoát nước của khu vực xung quanh.

c) Vía hè trồng cây xanh: Cây xanh được trồng đúng theo quy định khoảng cách trồng trung bình giữa 02 cây là 8m - 10m.

d) Giao thông thủy:

Hiện tại hệ thống kênh rạch trên địa bàn xã vẫn còn phục vụ tốt cho việc lưu thông thủy. Tuy nhiên hàng năm lũ về thường gây bồi lắng. Vì vậy, để tiếp tục phát huy thế mạnh của hệ thống giao thông thủy trên địa bàn xã cần nạo vét hệ thống kênh rạch thường xuyên. Trong tương lai cần xây dựng và cải tạo lại hệ thống bến thuyền, tổ chức các tuyến đường thủy nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và du lịch, phát triển thêm các loại phương tiện đường thủy kết hợp thuận tiện giao thông bộ nhằm phục vụ hiệu quả hơn cho nhân dân.

2. Cấp nước:

a) Nguồn nước cấp cho khu vực lấy từ Nhà máy nước thành phố Vị Thanh. Khai thác nước ngầm trong khu vực.

b) Mạng chuyên dẫn chính là tuyến ống uPVC dẫn nước từ nhà máy nước chạy dọc trục đường xã.

c) Thiết kế mạng lưới vòng kết hợp mạng nhánh có đường kính ống phù hợp theo công suất.

d) Lựa chọn nguồn nước: Chọn nguồn nước ngầm là nguồn cấp nước chính phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của nhân dân xã. Ngoài ra việc tích trữ nước mưa sử dụng cho các nhu cầu sinh hoạt cũng rất cần thiết trong ngắn hạn đối với những hộ gia đình ở những khu vực dân cư ở xa trung tâm.

3. Cấp điện:

a) Nguồn điện: sử dụng hiện tại của xã được cấp từ nguồn điện lưới Quốc gia qua tuyến 110KV từ Kiên Giang đi qua và tuyến trung thế 15 ÷ 22KV từ Trạm Biến thế Vị Thủy về thành phố Vị Thanh.

b) Lưới điện:

- Các tuyến 0,4KV hiện hữu ở khu vực trung tâm xã và các tuyến đường xã, ấp cần duy tu, cải tạo nâng công suất tải điện của các tuyến này, giảm bán kính cấp điện cho các trạm hạ áp, bán kính phục vụ của các trạm nên nằm trong khoảng nhỏ hơn 500m. Các tuyến 0,4KV xây dựng mới, đi trên trụ bê tông hạ áp cao 8,5m hoặc đi chung với tuyến trung áp.

- Trạm điện: Bên cạnh việc xây dựng hệ thống điện trung thế cần lắp đặt trạm biến áp có dung lượng từ 50 ÷ 150KVA, sử dụng trạm treo trên cột. Vị trí

trạm hạ áp đặt thuận tiện cho việc đặt đường dây, ít cắt đường giao thông, không gây trở ngại, nguy hiểm cho sản xuất, sinh hoạt.

c) Lưới chiếu sáng:

- Các đường trong ấp, thôn cần có hệ thống chiếu sáng để nâng cao mức sinh hoạt và điều kiện an ninh của người dân.

- Tuyến chiếu sáng khuyến khích đi chung với tuyến hạ thế. Đèn đường là loại đèn Led, công suất từ 50 ÷ 150W, được đặt cao cách mặt đường 05÷07m được bố trí dọc theo các tuyến đường nông thôn.

4. Vệ sinh môi trường:

a) Chất thải rắn:

- Khu vực trung tâm xã: tại các khu vực công trình công cộng bố trí thùng đựng rác thải, khu vực dân cư tự thu gom rác sinh hoạt và đổ ra xe thu gom vào các ngày thu gom định kỳ trong tuần. Thu gom bằng hệ thống xe đẩy tay và tập trung tại các vị trí tập kết chất thải rắn.

- Dự kiến bố trí 03 điểm trung chuyển chất thải rắn (200m²) tại các trục đường Nguyễn Huệ, Lê Hồng Phong và đường 19 Tháng 8.

- Khu vực các ấp: do địa hình trải dài dọc theo các tuyến kênh cho nên giải pháp xử lý rác ở đây mang tính chất phân tán. Các ấp sẽ được thu gom và vận chuyển đến điểm trung chuyển chất thải rắn, chúng được tập kết ở đây từ 02 ÷ 03 ngày thì vận chuyển đến khu chôn lấp chất thải rắn dự kiến mới.

b) Nước thải đối với trung tâm xã:

- Khu vực trung tâm xã Vị Tân: Xây dựng hệ thống cống chung một nửa, cuối các tuyến cống sẽ có cống bao gom nước thải về khu vực xử lý bằng trạm xử lý nước thải quy mô nhỏ trước khi xả ra môi trường. Công suất trạm xử lý khu vực trung tâm 522m³/ngày đêm. Các công trình công cộng và hộ gia đình xây dựng bể tự hoại hợp vệ sinh.

- Đối với các ấp: Do địa hình trải dài trên diện tích rộng cho nên các tuyến dân cư, nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý cục bộ tại các hộ gia đình bằng bể tự hoại hợp quy cách cho hộ dân. Nước thải đã qua xử lý bằng bể tự hoại sẽ thoát vào hệ thống thoát nước chung và xả ra hệ thống kênh tiêu để làm sạch tự nhiên.

- Đối với các hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ sẽ xây dựng các bể biogas xử lý theo dây chuyền khép kín trước khi thải ra ngoài, tránh gây ô nhiễm môi trường.

- Về nghĩa trang: Quy hoạch nghĩa trang tập trung phát triển lâu dài tại xã Hòa Lợi. Tại ấp 7 được bố trí khu chôn cất và lò thiêu, tạo điều kiện chôn cất văn minh, hợp vệ sinh, tiết kiệm đất đai.

Điều 10. Khu vực bảo tồn, tôn tạo kiến trúc công trình, di tích lịch sử

Khu căn cứ thị xã ủy Vị Thanh, được cập nhật trên cơ sở hiện trạng đang sử dụng và định hướng theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu

du lịch căn cứ Thị xã uỷ, xã Vị Tân, thị xã Vị Thanh được phê duyệt. Các chỉ tiêu quy hoạch quản lý theo quyết định được phê duyệt.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 11. Mọi hành vi vi phạm các Điều, Khoản của Quy định này tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp luật.

Điều 12. Các cơ quan có trách nhiệm quản lý xây dựng căn cứ đồ án quy hoạch được phê duyệt và các quy định cụ thể của Quy định này hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan lập dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra, giám sát theo quy định. Ủy ban nhân dân xã Vị Tân thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức và cá nhân trên địa bàn về công tác quy hoạch theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm phối hợp với Đội Quản lý trật tự đô thị và các ban ngành liên quan để thực hiện công tác kiểm tra, phát hiện vi phạm trong quy hoạch xây dựng, đình chỉ ngay hành vi vi phạm và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

Điều 16. Đồ án quy hoạch và Quy định này được ấn hành và lưu trữ tại các cơ quan sau đây để phổ biến đến các tổ chức, các nhân có liên quan biết và thực hiện.

1. Sở Xây dựng tỉnh Hậu Giang.
2. Phòng Quản lý đô thị thành phố Vị Thanh.
3. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vị Thanh.
4. Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố Vị Thanh.
5. Ủy ban nhân dân xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh./.